| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CAI LẬY**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 99/2022/DS-ST
Ngày: 04/7/2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

***- Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;

2. Ông Nguyễn Văn Tư

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Vào ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 119/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2022/QĐST-DS ngày 10/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị N, sinh năm 1977, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu N1 (H B), sinh năm 1960, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 24/01/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hồ Thị N trình bày:***

Chị có làm đầu thảo và mở nhiều dây hụi, trong đó bà N1 còn có tên thường gọi là Hai Bạo là bà con lối xóm nên chị có cho bà N1 tham gia góp nhiều dây hụi, cụ thể:

- Dây hụi 1: Khui ngày 06/02/2019 (âm lịch), một tháng khui một lần, giá trị mỗi phần là 5.000.000 đồng, dây hụi gồm 25 phần, bà N1 tham gia góp 03 phần.

+ Bà N1 hốt hụi lần 1 vào lần khui hụi đầu tiên ngày 06/02/2019, bà N1 hốt hụi được 84.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, còn lại 81.500.000 đồng. Chị đã giao cho bà N1 đầy đủ số tiền hốt hụi là 81.500.000 đồng.

+ Bà N1 hốt hụi lần 2 vào ngày 06/01/2020, bà N1 hốt hụi được 98.550.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, còn lại 96.050.000 đồng. Chị đã giao cho bà N1 đầy đủ số tiền hốt hụi là 96.050.000 đồng.

+ Bà N1 hốt hụi lần 3 vào ngày 06/10/2020, bà N1 hốt hụi được 116.400.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, còn lại 113.900.000 đồng. Chị đã giao cho bà N1 đầy đủ số tiền hốt hụi là 113.900.000 đồng.

Sau khi hốt 03 phần hụi thì bà N1 chỉ đóng hụi chết cho chị đến kỳ hụi thứ 23, sang kỳ hụi thứ 24 thì bà N1 ngưng không đóng hụi chết nữa. Như vậy, trong dây hụi này bà N1 còn nợ chị 02 kỳ hụi chết với số tiền là 5.000.000 đồng x 02 kỳ x 03 phần = 30.000.000 đồng. Sau đó, bà N1 có trả cho chị được 12.000.000 đồng, còn nợ lại chị số tiền của dây hụi này là 18.000.000 đồng.

- Dây hụi 2: Khui ngày 10/5/2019 (âm lịch), một tháng khui một lần, giá trị mỗi phần là 2.000.000 đồng, dây hụi gồm 22 phần, bà N1 tham gia góp 01 phần. Đến ngày 10/6/2019 thì bà N1 hốt hụi được 29.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng, còn lại 28.000.000 đồng. Chị đã giao cho bà N1 đầy đủ số tiền hốt hụi là 28.000.000 đồng. Sau đó, bà N1 đóng hụi chết cho chị được 06 kỳ, đến kỳ hụi thứ 7 thì bà N1 ngưng không đóng hụi chết nữa. Như vậy, trong dây hụi này bà N1 còn nợ chị 16 kỳ hụi chết với số tiền là 2.000.000 đồng x 16 kỳ = 32.000.000 đồng.

- Dây hụi 3: Khui ngày 20/01/2020 (âm lịch), một tháng khui một lần, giá trị mỗi phần là 5.000.000 đồng, dây hụi gồm 22 phần, bà N1 tham gia góp 01 phần. Đến ngày 20/7/2020 thì bà N1 hốt hụi được 80.500.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, còn lại 78.000.000 đồng. Chị đã giao cho bà N1 đầy đủ số tiền hốt hụi là 78.000.000 đồng. Sau đó, bà N1 đóng hụi chết cho chị được 10 kỳ, đến kỳ hụi thứ 11 thì bà N1 ngưng không đóng hụi chết nữa. Như vậy, trong dây hụi này bà N1 còn nợ chị 12 kỳ hụi chết với số tiền là 5.000.000 đồng x 12 kỳ = 60.000.000 đồng.

Dây hụi 4: Khui ngày 25/01/2020 (âm lịch), một tháng khui một lần, giá trị mỗi phần là 500.000 đồng, dây hụi gồm 22 phần, bà N1 tham gia góp 02 phần. Đến ngày 25/3/2020 thì bà N1 hốt 01 phần hụi được 8.030.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 250.000 đồng, còn lại 7.780.000 đồng. Chị đã giao cho bà N1 đầy đủ số tiền hốt hụi là 7.780.000 đồng. Đến ngày 25/4/2020, bà N1 hốt tiếp phần hụi thứ 2 được 8.460.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 250.000 đồng, còn lại 8.210.000 đồng. Chị đã giao cho bà N1 đầy đủ số tiền hốt hụi là 8.210.000 đồng.

Sau đó, bà N1 đóng hụi chết cho chị đến kỳ hụi thứ 10 (ngày 25/10/2020), sang kỳ hụi thứ 11 thì bà N1 ngưng không đóng hụi chết nữa. Như vậy, trong dây hụi này bà N1 còn nợ chị 12 kỳ hụi chết với số tiền là 500.000 đồng x 12 kỳ x 02 phần = 12.000.000 đồng.

- Dây hụi 5: Khui ngày 25/02/2020 (âm lịch), một tháng khui một lần, giá trị

mỗi phần là 3.000.000 đồng, dây hụi gồm 22 phần, bà N1 tham gia góp 01 phần. Đến ngày 25/4/2020 thì bà N1 hốt hụi được 43.200.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.500.000 đồng, còn lại 41.700.000 đồng. Chị đã giao cho bà N1 đầy đủ số tiền hốt hụi là 41.700.000 đồng. Sau đó, bà N1 đóng hụi chết cho chị đến kỳ hụi thứ 09 (ngày 25/10/2020), sang kỳ hụi thứ 10 thì bà N1 ngưng không đóng hụi chết nữa. Như vậy, trong dây hụi này bà N1 còn nợ chị 13 kỳ hụi chết với số tiền là 3.000.000 đồng x 13 kỳ = 39.000.000 đồng.

Hiện nay các dây hụi trên đã mãn, tổng cộng số tiền 05 dây hụi mà bà N1 còn nợ chị là 161.000.000 đồng. Mặc dù chị đã nhiều lần yêu cầu bà N1 trả số tiền này cho chị nhưng bà N1 không thực hiện mà cố tình tránh mặt chị. Nay chị yêu cầu bà N1 phải trả cho chị số tiền nợ hụi là 161.000.000 đồng, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, chị N cung cấp các giấy xác nhận của các hụi viên gồm: Chị Phạm Thị T, anh Nguyễn Văn H, chị Dương Thị Kim P, anh Trần Văn T, chị Võ Thị Đ, chị Nguyễn Hồng Ni, chị Nguyễn Thị L, chị Lê Thị Ngọc M, chị Nguyễn Thị Thu H.

***** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng bà N1 vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn bà N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị N yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thu N1 trả số tiền hụi là 161.000.000 đồng, bà N1 có địa chỉ tại ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa nguyên đơn chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Giao dịch dân sự về việc tham gia góp hụi giữa chị N với bà N1 có lập thành văn bản, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

3.2. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ bởi bà N1 là hụi viên tham gia chơi hụi do chị N làm chủ hụi, hai bên thỏa thuận khi tham gia hợp đồng góp hụi, nếu hụi viên nào hốt hụi thì phải đóng hụi chết là đóng đủ giá trị của phần hụi ban đầu. Tại các giấy xác nhận của những hụi viên cùng tham gia hợp đồng góp hụi với bà N1 đều xác nhận việc bà N1 tham gia góp 05 dây hụi do chị N làm đầu thảo và bà N1 đã hốt 05 dây hụi, nhận được tiền hụi, cụ thể:

- Chị Phạm Thị Thúy, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang và anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang xác nhận bà N1 đã hốt dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 10/5/2019 (âm lịch) vào ngày 10/6/2019 được 28.000.000 đồng (Sau khi trừ tiền huê hồng).

- Chị Dương Thị Kim P, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang và anh Trần Văn T, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang xác nhận bà N1 đã hốt dây hụi 3.000.000 đồng mở ngày 25/02/2020 (âm lịch) vào ngày 25/4/2020 được 41.000.000 đồng (Sau khi trừ tiền huê hồng).

- Chị Võ Thị Đ, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang và chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang xác nhận bà N1 đã hốt dây hụi 500.000 đồng mở ngày 25/01/2020 (âm lịch) vào ngày 25/3/2020 được 7.780.000 đồng (Sau khi trừ tiền huê hồng) và ngày 25/4/2020 được 8.210.000 đồng (Sau khi trừ tiền huê hồng).

- Chị Võ Thị Đ, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp N, xã X, huyện Ctỉnh Tiền Giang và chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang xác nhận bà N1 đã hốt dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 20/01/2020 (âm lịch) vào ngày 20/7/2020 được 78.000.000 đồng (Sau khi trừ tiền huê hồng).

- Chị Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang và chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang xác nhận bà N1 đã hốt dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 06/02/2019 (âm lịch) vào ngày 06/02/2019 được 81.500.000 đồng (Sau khi trừ tiền huê hồng), ngày 06/01/2020 được 96.050.000 đồng (Sau khi trừ tiền huê hồng) và ngày 06/10/2020 được 113.900.000 đồng (Sau khi trừ tiền huê hồng).

Như vậy, bà N1 đã hốt các dây hụi trên và nhận tiền hụi đầy đủ nhưng không đóng hụi chết cho chủ hụi là vi phạm nghĩa vụ góp hụi mà các bên đã

thỏa thuận đồng thời các dây hụi trên hiện đã mãn. Do đó, chị N yêu cầu bà N1 trả lại số tiền nợ hụi mà chị N đã đóng hụi thay cho bà N1 tổng cộng là 161.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 16, Điều 17 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Theo biên bản xác nhận của công an xã X thì bà Nguyễn Thị Thu N1 hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Hội Nhơn, xã X, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng không có ý kiến cũng như không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình. Đây là tình tiết mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, buộc bà N1 phải trả cho chị N số tiền 161.000.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ:**

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357; Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 16, Điều 17 và Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị N.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu N1 phải trả cho chị Hồ Thị N số tiền 161.000.000 đ (Một trăm sáu mươi mốt triệu đồng), ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Hồ Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Thu N1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Thu N1 phải chịu 8.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị Hồ Thị N số tiền 4.025.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001860 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Phạm Thị Mỹ Nhanh**